

Bản án số: 25/2018/HS-ST
Ngày 27-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Thi
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lưỡng
Bà Trần Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Kim Kúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Triệu Hoàng Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 25, 26 và 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 85/2017/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Huế – Sinh năm: 1954 tại Ninh Hòa, Khánh Hòa; nơi cư trú: thôn Hang Dơi, xã Ninh Phú, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Dư (chết) và bà Huỳnh Thị Cừ (chết); có vợ là Nguyễn Thị Mai – Sinh 1960 và có 09 con, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam ngày 10/9/2014 thay đổi biện pháp ngăn chặn ngày tạm giam bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 27/6/2016; có mặt.

*** Người bị hại:**

Bà Lê Thị Nở, sinh năm 1976

Nơi cư trú: thôn Hang Dơi, xã Ninh Phú, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại:**

- Luật sư Nguyễn Hồng Hà – Văn phòng luật sư Nguyễn Hồng Hà thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa; có mặt

- Luật sư Lục Thị Thụy – Văn phòng luật sư Thụy thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa; có mặt

*** Người làm chứng:**

Bà Lê Thị Mai, sinh năm 1960
Nơi cư trú: thôn Hang Dơi, xã Ninh Phú, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa;
có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Huế là cha ruột của Lê Thị Nở, cùng chung sống tại thôn Hang Dơi, xã Ninh Phú, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Khoảng tháng 3/1992, vào giữa đêm, lợi dụng sự lệ thuộc vật chất, tinh thần và sự non nớt của Lê Thị Nở, Huế đến chỗ ngủ dùng thủ đoạn dụ dỗ Nở trong khoảng 15 phút để cho giao cấu, Nở miễn cưỡng cho Huế giao cấu. Sáng hôm sau, Huế nói với Nở không được nói với ai chuyện giao cấu, nếu nói thì Huế sẽ đi tù và cả nhà chết đói, cứ thế vào ban đêm, Lê Thị Nở đã miễn cưỡng để cho Lê Huế giao cấu, kết quả Lê Thị Nở có thai, năm 1993 sinh con gái đầu tên là Lê Thị Hoa. Sau khi sinh cháu Hoa, Huế vẫn tiếp tục giao cấu với Lê Thị Nở và sinh con thứ hai là Lê Thị Sen vào năm 1997, sau đó Huế tiếp tục giao cấu với Nở đến tháng 7/2012 khi Nở có nhà riêng thì chấm dứt quan hệ tình dục với Lê Huế. Đến năm 2014, do nghi ngờ Huế có ý định với con là Lê Thị Sen nên Nở có đơn tố giác tội phạm đến cơ quan pháp luật thị xã Ninh Hòa.

Theo kết luận giám định số 1099/C54B ngày 17/7/2014 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ công an tại thành phố Hồ Chí Minh thì:

- Lê Huế là cha đẻ của Lê Thị Nở
- Lê Thị Nở là mẹ đẻ của Lê Thị Hoa và Lê Thị Sen
- Lê Huế là cha đẻ của Lê Thị Hoa và Lê Thị Sen

Tại bản cáo trạng số 34/2017/KSĐT-TA ngày 29/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đã truy tố bị cáo Lê Huế về tội "*Cưỡng dâm*" theo điểm b, d, đ khoản 2 Điều 113 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với Lê Thị Nở có công tố giác tội phạm nên Cơ quan điều tra công an thị xã Ninh Hòa đã đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự.

- Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã bị truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, yêu cầu bị cáo bồi thường 100.000.000đ tiền tổn thất tinh thần.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại:

Luật sư Nguyễn Hồng Hà:

+ Luật sư không đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa về mốc thời gian lần đầu bị cáo giao cấu với người bị hại Lê Thị Nở, theo cáo trạng thì lần đầu là khoảng tháng 3/1992 nhưng theo lời khai xuyên suốt trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa thì bị cáo khai lần đầu giao cấu là khoảng tháng 4/1991, bị hại sinh năm 1976, bị cáo giao cấu với Nở vào tháng

4/1991 thì lúc đó Nở chưa đủ 16 tuổi. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo là cưỡng dâm trẻ em theo khoản 3 Điều 114 Bộ luật hình sự năm 1999 thì không thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

+ Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét tính pháp lý của Quyết định đình chỉ điều tra đối bị can đối với Lê Thị Nở. Hành vi của Lê Thị Nở không cấu thành tội phạm chứ không như căn cứ mà cơ quan điều tra áp dụng để miễn trách nhiệm hình sự đối với Lê Thị Nở.

Luật sư Lục Thị Thụy:

+ Bị cáo Lê Huế đã dùng thủ đoạn dụ dỗ, năn nỉ để người bị hại miễn cưỡng giao cấu từ năm 1991-2012, hành vi của Lê Huế đã cấu thành tội “Cưỡng dâm”, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại tại phiên tòa hôm nay. Tuy nhiên, luật sư Thụy cũng đồng ý với quan điểm luật sư Nguyễn Hồng Hà là không thể lấy mốc thời gian lần đầu giao cấu là tháng 3/1992.

+ Đối với quyết định đình chỉ điều tra đối với người bị hại thì luật sư không đồng ý với căn cứ ra quyết định đình chỉ để miễn trách nhiệm hình sự đối với Lê Thị Nở, không thể cho Lê Thị Nở có công phát hiện và điều tra tội phạm để miễn trách nhiệm hình sự mà hành vi của Lê Thị Nở không cấu thành tội phạm, đó mới chính là căn cứ để đình chỉ điều tra đối với Lê Thị Nở.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa vẫn giữ quan điểm lấy mốc thời gian vào khoảng tháng 3/1992 là lần đầu bị cáo tiến hành giao cấu đối với Lê Thị Nở vì theo lời khai của Lê Thị Nở là Lê Thị Hoa sinh năm 1992 nhưng do để làm chế độ hưởng chính sách cho cháu Hoa nên khai sinh năm 1993, đồng thời giấy khai sinh của Lê Thị Hoa làm trễ hạn vào năm 2007, chỉ có một căn cứ duy nhất là lấy thời điểm cuối năm 1992 trừ thời gian mang thai Hoa làm thời điểm mà Huế giao cấu với Nở, không thể lấy lời khai duy nhất của bị cáo là giao cấu lần đầu vào tháng 4/1991 làm căn cứ buộc tội để chứng minh bị cáo phạm tội “Cưỡng dâm trẻ em”. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa truy tố bị cáo về tội “Cưỡng dâm” là có căn cứ. Đối với quyết định đình chỉ điều tra đối với Lê Thị Nở là có căn cứ và đúng pháp luật bởi vì các chứng cứ trong hồ sơ đã cho thấy Lê Thị Nở đồng ý để Lê Huế giao cấu, do Nở đã khai khai rõ sự việc, góp phần hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm nên được miễn trách nhiệm hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng b, d, đ khoản 2 Điều 113; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Xử phạt bị cáo Lê Huế từ 08-09 năm tù. Về bồi thường tổn thất tinh thần thì người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 100.000.000đ, bị cáo đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thời điểm lần đầu bị cáo giao cấu với Lê Thị Nở để xác định bị cáo Lê Huế phạm tội “Cưỡng dâm” hay “Cưỡng dâm trẻ em”:

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bị cáo khai lần đầu giao cấu là khoảng tháng 4/1991, người bị hại khai là năm 1989, ngoài lời khai của bị cáo và người bị hại thì không còn chứng cứ nào khác để chứng minh. Đồng thời, cũng không có căn cứ vững chắc để chứng minh Lê Thị Nở sinh năm 1976, bởi vì Lê Thị Nở không được đăng ký khai sinh, ngoài lời khai của bị cáo Lê Huế là Lê Thị Nở sinh vào năm 1976 thì không có chứng cứ nào khác chứng minh Lê Thị Nở sinh năm 1976, để làm rõ độ tuổi của người bị hại Cơ quan điều tra công an thị xã Ninh Hòa đã ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y về độ tuổi của Lê Thị Nở, tại kết luận giám định số 1005/C54B của Phân viện khoa học hình sự Bộ công an tại thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: Không đủ cơ sở khoa học để khẳng định tuổi thật của bà Lê Thị Nở. Như vậy, trong vụ án này không thể lấy lời khai duy nhất của bị cáo để làm bất lợi cho bị cáo. Do vậy, theo nguyên tắc suy đoán vô tội quy định tại Điều 13 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì không có căn cứ để truy tố bị cáo về tội “Cưỡng dâm trẻ em”. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa lấy mốc thời gian từ tháng 3/1992-7/2012 để truy tố bị cáo về tội “Cưỡng dâm” là có căn cứ.

[2] Đối với quyết định đình chỉ điều tra bị can đối với Lê Thị Nở:

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ninh Hòa đã căn cứ vào khoản 2 Điều 25 Bộ luật hình sự năm 1999 để đình chỉ điều tra đối với Lê Thị Nở. Tòa án Ninh Hòa cũng nhiều lần trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều vấn đề của vụ án, trong có yêu cầu làm rõ tính pháp lý của quyết định đình chỉ điều tra đối với Lê Thị Nở nhưng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa không thực hiện. Quyết định đình chỉ điều tra đối với Lê Thị Nở đã có hiệu lực, việc ra quyết định thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra công an thị xã Ninh Hòa. Đồng thời, tại cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 29/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa không truy tố đối với Lê Thị Nở nên Hội đồng không xem xét.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Huế đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng mối quan hệ cha con, sự lệ thuộc về vật chất và sự non nớt về mặt thể chất và tinh thần của người bị hại, từ tháng 3/1992 đến tháng 7/2012 bị cáo Lê Huế nhiều lần dụ dỗ, năn nỉ, hứa hẹn mua quần áo để người bị hại Lê Thị Nở miễn cưỡng giao cấu với mình. Mặc dù, trong quá trình điều tra bị cáo chỉ thừa nhận lần đầu tiên giao cấu thì người bị hại vùng vẫy, dùng chân đạp bị cáo, bị cáo ôm năn nỉ để giao cấu, sáng hôm sau có nói với người bị hại không cho ai biết việc giao cấu, nếu không bị cáo sẽ đi tù, còn tất cả những lần giao cấu sau đó thì đều có sự đồng ý của người bị hại. Người bị hại thì cho rằng tất cả những lần giao cấu đều do bị cưỡng ép chứ không có sự đồng ý của người bị hại. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Huế thừa nhận bị cáo đã dùng thủ đoạn năn nỉ, dụ dỗ, hứa mua vải may áo quần cho Lê Thị Nở, bị cáo lợi dụng mối quan hệ cha

con, sự phụ thuộc kinh tế để buộc Nở giao cầu với mình trong thời gian dài, người bị hại cũng thừa nhận mình bị lệ thuộc kinh tế vào bị cáo, bị cáo dùng nhiều thủ đoạn đe dọa, chửi mắng, đánh đập để ép buộc nên phải miễn cưỡng giao cầu, đồng thời sau khi sinh con thứ nhất là Lê Thị Hoa và sinh con thứ hai là Lê Thị Sen vì tủi nhục, lo sợ ảnh hưởng đến bản thân và gia đình mà người bị hại đã buông xuôi chấp nhận miễn cưỡng giao cầu với bị cáo cho yên thân. Hậu quả của việc cưỡng dâm là người bị hại đã sinh hai con là Lê Thị Hoa và Lê Thị Sen. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng dâm” với các tình tiết tăng nặng định khung là “Cưỡng dâm nhiều lần”, “Có tính chất loạn luân”, “Làm nạn nhân có thai” theo các điểm b, d, đ khoản 2 Điều 113 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó, cáo trạng số 34/KSĐT-TA ngày 29/5/2017 của Viện kiểm sát thị xã Ninh Hòa truy tố các bị cáo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm nhân phẩm, danh dự và sức khỏe của người khác, mà ở đây là xâm phạm đến tình dục, sức khỏe tình dục và thể chất của người bị hại. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là phạm tội, trái với đạo đức, trái luân thường đạo lý nhưng vẫn cố tình thực hiện, bị cáo biết rõ người bị hại là con đẻ của mình mà vẫn thực hiện hành vi giao cầu để thỏa mãn dục vọng của mình trong thời gian dài. Điều đó cho thấy bị cáo coi thường pháp luật, coi thường những giá trị đạo đức, coi thường mối quan hệ phụ tử thiêng liêng. Hành vi của bị cáo để lại hậu quả rất nghiêm trọng, bị cáo không những xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, làm ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tinh thần của con gái mình mà còn sinh ra hai người con phát triển về thể chất và tinh thần không được bình thường, thường xuyên đau ốm, là gánh nặng cho người bị hại trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý thật nghiêm, cách ly bị cáo một thời gian dài để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Đánh giá các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình điều tra truy tố bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tại phiên tòa bị cáo chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của người bị hại nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 100.000.000đ tiền tổn thất tinh thần, bị cáo đồng ý bồi thường. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại không trái pháp luật, không trái đạo đức nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, d, đ khoản 2 Điều 113; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Lê Huế.

Xử phạt: Bị cáo Lê Huế 09 (chín) năm tù về tội “Cưỡng dân”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời giam tạm giam trước từ ngày 10/9/2014 đến ngày 27/6/2016.

- Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo với người bị hại, buộc bị cáo Lê Huế bồi thường cho người bị hại Lê Thị Nở 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Huế phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Công an thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THA DS thị xã Ninh Hòa;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Thi